

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-VP

Tiền Giang, ngày tháng 12 năm 2024

Về việc triển khai Quyết định số
892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê
duyet Đề án “Xác định Chỉ số cải
cách hành chính” giai đoạn
2024 - 2030

Kính gửi:

- Lãnh đạo các phòng thuộc Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030”.

Để thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030”, Lãnh đạo Sở phân công theo dõi, thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở, Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang và công chức, viên chức cơ quan cụ thể như sau:

- Lãnh đạo các phòng thuộc Sở Tài chính, Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính” giai đoạn 2024 - 2030 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến toàn thể công chức, viên chức đơn vị quản lý để làm cơ sở tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2030 và phân công công chức, viên chức của phòng, đơn vị theo dõi, làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Sở tham mưu Lãnh đạo Sở tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trong bảng điểm.

- Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh gồm có 08 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí, 88 tiêu chí thành phần, trong đó lĩnh vực cải cách tài chính công cấp tỉnh có 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần. Giao Văn phòng Sở phối hợp với công chức, viên chức đầu mối các phòng thuộc Sở, Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện công việc với Lãnh đạo Sở theo bảng phân công theo dõi, thực hiện các tiêu chí trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh - cải cách tài chính công, cụ thể như sau:

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Đơn vị hoặc người theo dõi thực hiện
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12.00	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5.00	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1.00	Phòng TCĐT-DN
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch b là số tiền đã giải ngân Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.70$ thì điểm đánh giá là 0</i>		
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1.00	Phòng QLNS-TCHCSN, Thanh tra Sở Tài chính
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1		
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0		
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00	Văn phòng Sở
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN</i>		
6.1.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1.00	ĐTXHH
6.1.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1.00	ĐTXHH
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3.00	
6.2.1	Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.75	Phòng QLG&CS
	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản theo quy định: 0.75		
	Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0.25		
	Chưa ban hành văn bản nào: 0		
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.50	
	100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0.25		
	Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: 0.25 điểm		
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75	
	Từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0.75		
	Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0.5		
	Từ 50% - dưới 60% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0.25		
	Dưới 50% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0		
6.2.4	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1.00	ĐTXHH

6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	4.00	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0.25	Phòng QLNS-TCHCSN
	Có thêm từ 01 đơn vị trở lên: 0.25		
	Không có thêm: 0		
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.75	
	Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: 0.25		
	Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên: 0.25		
	Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: 0.25		
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1.00	
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>		
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>		
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	1.00	ĐTXHH
	Giảm so với năm trước liền kề: 1		
	Không giảm so với năm trước liền kề: 0		Phòng QLNS-TCHCSN
6.3.5	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL	1.00	
8.3.3	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1.00	
	<i>Tăng so với năm trước liền kề: 1</i>		Phòng QLNS-TCHCSN
	<i>Không tăng so với năm trước liền kề: 0</i>		
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	2.00	
	<i>Thực hiện thu NSNN theo chỉ tiêu Chính phủ giao:</i> <i>Vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên: 1</i> <i>Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 4%: 0.5</i> <i>Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%: 0.25</i> <i>Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0</i>		
	<i>Thực hiện thu NSNN theo giá trị:</i> <i>Giá trị thu NSNN thuộc nhóm 10 địa phương cao nhất: 1</i> <i>Giá trị thu NSNN thuộc nhóm 20 địa phương cao từ vị trí thứ 11 đến 30 so với 63 tỉnh: 0.75</i> <i>Giá trị thu NSNN thuộc nhóm 20 địa phương cao từ vị trí thứ 31 đến 50 so với 63 tỉnh: 0.5</i> <i>Giá trị thu NSNN thuộc nhóm 13 địa phương thấp nhất cả nước: 0.25</i>		

Lãnh đạo Sở yêu cầu các Lãnh đạo phòng thuộc Sở, Lãnh đạo Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang nghiêm túc thực hiện./.

(Đính kèm: Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ,

cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030”).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP (Lan) 12b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Tuyền